

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671006 - Toán ứng dụng 2

STC : 3(45,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 2

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Lê Lục	La	3672050002	09/03/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
2	Lê Đức	Trọng	3672050003	20/10/1994	3,30	4,00	3,80	
3	Nguyễn Huy	Tiến	3672050004	20/01/1992	,00	,00	,00	Nợ HP
4	Lê Công	Toàn	3672050008	08/03/1994	6,00	5,00	5,30	
5	Trần Thanh	Phúc	3672050009	22/03/1994	,00	,00	,00	
6	Phạm Văn	Tin	3672050010	17/10/1994	3,50	5,00	4,60	
7	Nguyễn Văn	Tân	3672050013	12/10/1993	3,00	2,50	2,70	Nợ HP
8	Võ Lê Công	Hiếu	3672050015	01/12/1993	3,50	1,50	2,10	
9	Phạm Xuân	Phú	3672050017	09/02/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
10	Mạc Xuân	Hạnh	3672050023	27/04/1994	2,80	3,80	3,50	
11	Nguyễn Ngọc	Sơn	3672050032	19/09/1993	4,30	2,00	2,70	
12	Lê Đức	Huy	3672050034	04/03/1994	1,00	3,30	2,60	
13	Phan Thành	Đội	3672050037	24/08/1994	5,00	4,30	4,50	
14	Trịnh Văn	Tiền	3672050045	06/02/1993	5,00	2,00	2,90	
15	Nguyễn Minh	Khang	3672050047	27/03/1994	5,80	4,00	4,50	
16	Nguyễn Trung	Trực	3672050050	18/12/1994	4,80	3,00	3,50	
17	Đỗ Nguyễn Anh	Phong	3672050062	11/06/1994	5,30	2,30	3,20	
18	Nguyễn Đức	Lộc	3672050071	20/03/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
19	Phạm Việt	Việt	3672050094	12/09/1993	4,50	3,00	3,50	
20	Trịnh Quang	Thảo	3672050112	05/09/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
21	Trần	Phát	3672050115	22/03/1992	3,50	2,50	2,80	
22	Đoàn Lương	Hoài	3672050117	24/11/1994	3,00	1,80	2,20	
23	Ngô Thanh	Nhân	3672050120	07/01/1994	7,30	4,50	5,30	
24	Đỗ Võ Thái	Hòa	3672050123	03/10/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
25	Phạm Tuấn	Đạt	3672050129	03/10/1994	5,30	3,00	3,70	
26	Nguyễn Bình	Chí	3672050139	23/11/1994	6,80	5,00	5,50	
27	Nguyễn Thị	Mến	3672050146	06/02/1994	6,50	4,50	5,10	
28	Trần Đoàn Minh	Tâm	3672050148	08/06/1994	5,80	4,00	4,50	
29	Nguyễn Thành	Vũ	3672050155	26/08/1994	6,30	5,00	5,40	
30	Bùi Xuân	Đạt	3672050159	09/04/1994	4,00	3,80	3,90	
31	Trần Đăng	Phong	3672050168	28/02/1994	4,80	3,30	3,80	
32	Nguyễn Văn	Cầm	3672050171	09/03/1994	4,50	3,80	4,00	
33	Nguyễn Anh	Duy	3672050182	09/12/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
34	Trần Xuân	Hiếu	3672050203	11/11/1994	3,80	5,50	5,00	
35	Liêu Trường	Quang	3672050205	09/07/1994	,00	,00	,00	Nợ HP

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Phước	Trọng	3672050212	14/11/1993	4,50	4,80	4,70	
37	Lưu Đoàn Thanh	Phúc	3672050231	17/12/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
38	Bùi Văn	Út	3672050238	26/03/1994	5,30	6,80	6,40	
39	Hồ Thế	Trường	3672050248	25/09/1993	7,50	6,50	6,80	
40	Nguyễn Văn	Nhật	3672050264	15/03/1993	7,30	6,50	6,70	
41	Hồ Đức	Anh	3672050302	10/06/1993	5,80	2,00	3,10	
42	Trần Thái	Sơn	3672050314	19/05/1993	,00	,00	,00	
43	Lê Văn	Quốc	3672050317	31/12/1994	2,00	,30	,80	
44	Đinh Văn	Châu	3672050325	07/11/1993	4,50	3,00	3,50	
45	Nguyễn Đình Hoài	Vũ	3672050328	04/02/1994	5,30	2,50	3,30	
46	Mai	Thiện	3672050375	12/03/1994	7,30	6,00	6,40	
47	Lê Thành	Tú	3672050394	13/06/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
48	Triệu Gia	Minh	3672050397	18/04/1994	,00	,00	,00	
49	Dương Thành	Mỹ	3672050400	08/08/1994	6,00	7,00	6,70	
50	Lê Vũ Anh	Duy	3672050996	30/11/1994	,00	,00	,00	
51	Trần Trung	Hiếu	3672051102	17/11/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
52	Phạm Xuân	Hiệp	3672051108	10/08/1993	4,50	4,00	4,20	
53	Ngô Hoàng	Phụng	3672051118	01/01/1994	,00	,00	,00	
54	Trần Duy	Tân	3672051150	14/01/1994	6,00	5,50	5,70	
55	Nguyễn Văn	Bắc	3672051169	14/04/1994	5,30	4,00	4,40	
56	Phạm Ngọc	Hiệu	3672051194	19/05/1994	6,80	2,80	4,00	
57	Nguyễn Thái Duy	Thức	3672051198	16/06/1994	4,00	7,00	6,10	
58	Đoàn Gia	Triển	3672051199	15/03/1993	2,00	2,30	2,20	
59	Nguyễn Văn	Sang	3672051201	26/11/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
60	Nguyễn Ngọc	Thành	3672051204	20/05/1982	,00	,00	,00	Nợ HP
61	Nguyễn	Thống	3672051220	12/01/1994	3,00	2,50	2,70	
62	Nguyễn Quốc	Thống	3672051226	03/03/1993	6,80	3,30	4,40	
63	Nguyễn Quang	Thao	3672051240	01/01/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
64	Nguyễn Hoài	Nam	3672051274	11/03/1994	2,50	2,80	2,70	
65	Bạch Thành	Nhân	3672051486	07/10/1993	3,00	4,00	3,70	Nợ HP
66	Huỳnh Tấn	Phát	3672051491	15/08/1993	3,00	1,00	1,60	
67	Lê Văn	Đình	3672051494	12/10/1994	5,30	3,00	3,70	
68	Nguyễn Văn	Sáu	3672051503	20/08/1994	5,00	5,00	5,00	
69	Hoàng Văn	Hoàn	3672051506	25/04/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
70	Nguyễn Tấn	Lực	3672051511	03/01/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
71	Trần Huỳnh Quang	Duy	3672051536	12/05/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
72	Võ Duy	Thanh	3672051545	18/12/1994	2,00	2,80	2,60	
73	Phạm Quốc	Hòa	3672051546	24/07/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
74	Lê Ngọc	Danh	3672051582	20/07/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
75	Nguyễn Hoàng	Sơn	3672051607	16/08/1994	5,00	5,00	5,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Trương Huỳnh	Thịnh	3672051613	16/02/1994	,00	4,30	3,00	Nợ HP
77	Ngô Thành	Thọ	3672051636	20/06/1994	6,00	1,30	2,70	
78	Trần Đức	Linh	3672051640	08/11/1993	3,50	1,30	2,00	
79	Lê Thanh	Nhất	3672051661	21/08/1994	4,50	4,30	4,40	
80	Phạm Quốc	Vương	3672051663	03/12/1994	4,80	2,50	3,20	
81	Phạm Ngọc	Quế	3672051672	23/09/1994	6,30	6,00	6,10	
82	A Thoại	Nguyên	3672051677	30/12/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
83	Phạm Hữu	Tĩnh	3672051827	22/07/1993	5,30	5,00	5,10	
84	Cao Đức Đăng	Danh	3672051841	24/07/1994	,00	,00	,00	
85	Phạm Văn	Ngoan	3672051867	09/11/1993	3,00	5,00	4,40	
86	Lê Hoàng Diễm	Châu	3672051872	10/11/1994	4,80	2,80	3,40	
87	Nguyễn Thế	Hùng	3672051874	06/08/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
88	Trương Minh	Tâm	3672051922	09/09/1994	5,50	2,00	3,10	
89	Dương Tấn	Ngọc	3672051957	18/03/1993	2,50	4,50	3,90	
90	Tôn Long	Duy	3672051963	27/05/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
91	Bùi Văn Tuấn	Vũ	3672051978	19/01/1994	4,80	2,50	3,20	Nợ HP
92	Hồ Hoàng	Nam	3672052013	10/04/1994	,00	5,00	3,50	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)